

Số: 2018 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 358/TTr-STC ngày 12 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh;
- CVNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, pmtrang.

KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2018 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Quản lý công sản					
1	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 123/2017/NĐ-CP.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp		
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa thuộc thẩm quyền quyết định UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Nghị định số 126/2017/NĐ-CP
2	Tạm ứng kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
3	Thanh toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính.
4	Báo cáo định kỳ	Không phải thủ tục hành chính.
5	Đề nghị hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
6	Tạm ứng kinh phí đào tạo nguồn nhân lực	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
7	Thanh toán kinh phí đào tạo nguồn nhân lực	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
8	Tạm ứng kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
9	Thanh toán kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
10	Tạm ứng kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
11	Thanh toán phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
12	Tạm ứng kinh phí hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
13	Thanh toán kinh phí hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
14	Thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
15	Miễn, giảm tiền thuê đất	Thực hiện theo thủ tục miễn giảm thuế của Tổng cục Thuế quản lý.

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Tên thủ tục: Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi thực hiện dự án.

Bước 2: Sở Tài chính xác định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội

Bước 4: Sở Tài chính có văn bản gửi Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước của địa phương để thực hiện.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Nộp qua Dịch vụ công trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với dự án nhà ở xã hội đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Nhà ở năm 2014

- Văn bản đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ: 01 bản chính;
- Quyết định hoặc văn bản chấp thuận đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao.
- Hợp đồng hoặc giấy tờ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm nhận chuyển nhượng: 01 bản sao;
- Giấy tờ, hóa đơn chứng minh số tiền đã nộp tiền vào ngân sách khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc giấy tờ, biên lai đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà diện tích đất đó được sử dụng để xây dựng nhà ở xã hội: 01 bản sao.

b) Đối với dự án nhà ở xã hội đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Nhà ở năm 2014

- Văn bản đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ: 01 bản chính;

- Quyết định hoặc văn bản chấp thuận đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao;

- Danh sách người lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã được bố trí nhà ở có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nhà ở: 01 bản sao;

- Hợp đồng hoặc giấy tờ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm nhận chuyển nhượng: 01 bản sao;

- Giấy tờ, hóa đơn chứng minh số tiền đã nộp tiền vào ngân sách khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc giấy tờ, biên lai đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà diện tích đất đó được sử dụng để xây dựng nhà ở xã hội: 01 bản sao.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Đối với bước 2: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Đối với bước 4: Không quá 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

a) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước địa phương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận việc hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.